TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày: 08/01/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Đặng Thanh Sang**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Đoạt**

Ông **Danh Sà Khol**

Thư ký phiên toà: Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: Bà **Trần Phương Thuý** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 247/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2024/QĐXXST- DS ngày 03 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 79/2024/QDST-DS ngày 16/12/2024 của Toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện H, tỉnh K..

* *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Tuyết M**, sinh năm 1975.

Ông **Nguyễn Ngọc M1**, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Tổ 1B, khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện H, tỉnh K.

Ông C, ông M1 có mặt. Bà M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Do quen biết nên trước đây bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Ngọc M1 cùng thường trú tại Tổ 1B, khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên

Giang có đến nhà ông Nguyễn Văn C hỏi vay, mượn tiền của ông Châu nhiều lần cụ thể như sau:

Vào ngày 21/02/2012 bà Mai, ông Minh hỏi mượn ông Châu số tiền 2.000.000 đồng để bà Mai, ông Minh chỉ tiêu sinh hoạt gia đình.

Ngày 06/7/2012 bà Mai, ông Minh hỏi mượn ông Châu số tiền 20.000.000 đồng để bà Mai, ông Minh kinh doanh mua bán thịt heo.

Ngày 06/08/2013 bà Mai, ông Minh hỏi mượn ông Châu số tiền 4.000.000 đồng để kinh doanh mua bán.

Ngày 27/04/2014 bà Mai, ông Minh hỏi mượn ông Châu số tiền 1.000.000 đồng để chỉ tiêu sinh hoạt gia đình.

Ngày 7/07/2014 bà Mai, ông Minh hỏi mượn ông Châu số tiền 2.000.000 đồng để chỉ tiêu sinh hoạt gia đình.

Ngày 16/10/2014 bà Mai, ông Minh tiếp tục hỏi mượn ông Châu số tiền 1.000.000 đồng để bà Mai, ông Minh chỉ tiêu sinh hoạt gia đinh.

Ngày 15/05/2016 bà Mai, ông Mình tiếp tục hỏi mượn ông Châu số tiền 20.000.000 đồng để bà Mai, ông Minh kinh doanh mua bán.

Ngày 21/06/2016 bà Mai, ông Minh tiếp tục hỏi mượn ông Châu số tiền 10.000.000 đồng để bà Mai, ông Minh kinh doanh mua bán.

Tổng các lần vay, mượn nêu trên bà Mai, ông Minh nợ ông Châu tiền gốc tổng cộng là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Tất cả các lần hỏi vay, mượn tiền trên bà Mai, ông Minh đều viết biên nhận nợ và hứa hẹn trong vòng 03 tháng sẽ hoàn trả cho ông Châu toàn bộ tiền vay mượn.

Tuy nhiên, khi đến hẹn trả nợ bà Mai, ông Minh không trả tiền cho ông Châu. Mặc dù ông Châu gọi điện thoại nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà Mai, ông Minh cứ hứa hẹn hết lần này đến lần khác nhưng không trả tiền cho ông Châu, sự việc này kéo dài cho đến nay đã hơn 08 năm bà Mai, ông Minh cố tình né tránh, lánh mặt ông Châu nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Ông Châu cho rằng việc làm trên của bà Mai, ông Minh là rất xem thường pháp luật, làm ảnh hưởng rất lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Châu.

Theo đơn khởi kiện ông Châu yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất buộc bà Mai, ông Minh phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Châu số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), ông Châu không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên toà hôm nay ông Châu vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất giải quyết buộc bà Mai, ông Minh phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Châu số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu

đồng), ông Châu không yêu cầu tính lãi và phải trả tiền 01 lần. Ngoài ra, ông Châu không yêu cầu gì thêm.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Bà Nguyễn Thị Tuyết M thống nhất những lời trình bày về việc vay nợ của ông Nguyễn Văn C là hoàn toàn đúng. Bà Mai thừa nhận có vay mượn tiền của ông Châu nhiều lần và hiện còn nợ ông Châu tiền gốc là 60.000.000 đồng. Nay ông Châu yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Ngọc M1 phải liên đới trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền 60.000.000 đồng thì bà Mai đồng ý trả. Tuy nhiên, do hiện nay hoàn cảnh bà Mai và ông Minh khó khăn nên xin trả dần cho ông Châu mỗi tháng 500.000 đồng đến khi dứt nợ. Ngoài ra, bà Mai không trình bày gì thêm.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Ngọc M1 trình bày:*

Ông Nguyễn Ngọc M1 thừa nhận có vay mượn tiền của ông Nguyễn Văn C nhiều lần như trên và hiện còn nợ ông Châu tiền gốc là 60.000.000 đồng. Nay ông Châu yêu cầu ông Nguyễn Ngọc M1 và bà Nguyễn Thị Tuyết M phải liên đới trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền 60.000.000 đồng thì ông Minh cũng đồng ý trả. Tuy nhiên, do hiện nay hoàn cảnh ông Minh và bà Mai khó khăn nên xin trả dần cho ông Châu mỗi tháng 500.000 đồng đến khi dứt nợ. Ngoài ra, ông Minh không trình bày gì thêm.

Tại phiên toà ông Nguyễn Ngọc M1 thừa nhận có vay và còn nợ ông Châu số tiền gốc là 60.000.000 đồng. Trong quá trình vay ông và bà Mai có trả lãi cho ông Châu nhưng ông không nhớ, không có chứng cứ về việc trả lãi và cũng không yêu cầu tính lại lãi xuất. Ông Minh đồng ý trả cho ông Châu số tiền 60.000.000 đồng, xin trả dần 500.000 đồng đến khi hết nợ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang có ý kiến phát biểu:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C là có căn cứ để chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Ngọc M1 trả tiền vay gốc là 60.000.000 đồng. Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Ngọc M1 xin trả dần số tiền vay là 60.000.000 đồng, mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được ông Châu đồng ý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại mục 1, phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp

- Bộ Tài chính thì Tòa án không tự ấn định thời hạn trả nợ. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C thì quan hệ pháp luật được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Do bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Ngọc M1 có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M được Tòa án triệu tập hợp lệ tới lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của bà Mai không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Mai là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

[2]. Về nội dung: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định như sau: Ông Nguyễn Văn C trong khoản thời gian từ ngày 21/02/2012 đến ngày 21/6/2016 có cho bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Ngọc M1 vay mượn tiền làm nhiều lần. Ông Châu, bà Mai và ông Minh thống nhất trong khoản thời gian trên thì bà Mai, ông Minh có vay mượn và còn nợ ông Châu tổng số tiền gốc là 60.000.000 đồng. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà Mai, ông Minh chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc, mặc dù ông Châu đã đòi nợ nhiều lần là đúng sự thật khách quan và được các bên thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn C yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Ngọc M1 trả số tiền gốc là 60.000.000 đồng thì bà Mai, ông Minh cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay ông Nguyễn Văn C không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền gốc 60.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Ngọc M1 đã vay mượn do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn ông Nguyễn Ngọc M1 cho rằng có đóng lãi cho ông Châu nhưng ông Minh không nhớ số tiền lãi đã đóng, không có chứng cứ chứng minh đóng lãi và không yêu cầu tính lại lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét yêu cầu xin được trả dần số tiền gốc 60.000.000 đồng, mỗi tháng trả 500.000 đồng của bị bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Ngọc M1. Hội đồng xét xử nhận thấy tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn C không đồng ý yêu cầu xin trả dần của bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Ngọc M1. Căn cứ theo quy định tại mục 1, phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính thì Tòa án không tự ấn định thời hạn trả nợ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả nợ dần của bà Mai, ông Minh.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Trong thảo luận và nghị án, HĐXX thống nhất chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 37, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C đối với bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Ngọc M1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Ngọc M1 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn C tổng số tiền gốc là 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm

trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Ngọc M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 3.000.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn C là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí nên không xử lý tiền tạm ứng án phí trong vụ án này.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN		**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Văn Đoạt	**Danh Sà Khol**	**Đặng Thanh Sang**